

Bản án số: **146/2026/HS-PT**

Ngày 01/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Thu Hương, bà Quấn Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà
Giang Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 01/4/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2026/TLPT-HS ngày 06/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2026/QĐXXPT- HS ngày 16/3/2026.

Do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 192/2025/HSST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn T, sinh ngày 17/3/1994; CCCD số 001094011892 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 10/7/2021; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Bố là: Lê Văn B, sinh năm 1970; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1998; Có 03, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 02/7/2025

D chỉ bản số **2373** ngày 14/7/2025 tại PC11A. Bị cáo hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01- Công an Thành phố H. *Có mặt*

2. Nguyễn Thị T1, sinh ngày 12/8/1998; CCCD số 001198016987 do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 21 tháng 6 năm 2024; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, Thành phố Hà Nội. Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn H; Mẹ đẻ: Lê Thị T2; Chồng là Lê Văn T; Có 03, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không. D chỉ bản số **5600** ngày 30/10/2025 tại PC11A. Bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt*

Vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác là 05 bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 30/6/2025, Tổ công tác Đội 7 - Phòng PC03 - C2 phối hợp với Đội Quản lý thị trường số A - Chi cục Quản lý thị trường thành phố H và Chi cục chăn nuôi, thủy sản và thú y - Sở nông nghiệp và môi trường Thành phố H kiểm tra, phát hiện cơ sở giết mổ lợn tại Thôn Đ, xã K, huyện T, Hà Nội (nay là thôn Đ, xã T, Hà Nội) của Lê Văn T và vợ là Nguyễn Thị T1 có dấu hiệu giết mổ lợn chết do bệnh, dịch bệnh để cung cấp, bán thực phẩm tiêu thụ ra thị trường cho người tiêu dùng. Tại thời điểm kiểm tra, T cùng nhân viên là Nguyễn Văn Q (sinh năm 1995; ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội), Trương Văn H1 (sinh năm 1992; ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội) và Bùi Văn H2 (sinh năm 1997; ĐKTT: Xóm K, xã T, tỉnh Phú Thọ) đang thực hiện giết mổ lợn. Ngoài ra có một số tiểu thương và người phụ giúp tiểu thương gồm vợ chồng Nguyễn Thị V và Nguyễn Văn V1 (cùng sinh năm 1983, ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội), Trần Thị H3 (sinh năm 1976, ĐKTT: Thôn V, xã Đ, Hà Nội), Lê Thị T3 (sinh năm 1975) cùng con trai là Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1994) và con gái là Nguyễn Ngọc H4 (sinh năm 2008), cùng trú tại thôn Đ, xã T, Hà Nội, Nguyễn Mạnh Q1 (sinh năm 2006, ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội), Lê Thị D1 (sinh năm 1993, ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội), vợ chồng Nguyễn Thị H5 (sinh năm 2004) và Nguyễn Văn T5 (sinh năm 2000) cùng trú tại thôn Đ, xã T, Hà Nội, Lê Thị T2 (sinh năm 1978, ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội), Lê Văn Đ (sinh năm 1988, ĐKTT: Thôn Đ, xã T, Hà Nội), Nguyễn Tài T6 (sinh năm 1997, ĐKTT: Thôn L, xã T, Hà Nội) đang chờ mua hàng tại cơ sở giết mổ của T6 và T1. Tổ công tác phát hiện có nhiều con lợn (một số con đã yếu nằm tại chỗ) và thịt lợn có da màu đỏ, tím xanh ở các vùng như tai, đuôi, chân, ngực và bụng, có các nốt xuất huyết dưới da. . . có biểu hiện của lợn nhiễm bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Lê Văn T xuất trình giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mã số đăng ký hộ kinh doanh số 01Y8020966 do Phòng tài chính kế hoạch – Ủy ban nhân dân huyện T, Hà Nội cấp ngày 27/12/2023 với ngành nghề kinh doanh là: (1) Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, (2) Bán buôn tổng hợp, (3) Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ (bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ). Tươi không xuất trình được giấy tờ kiểm dịch và giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ số lợn, thịt lợn tại cơ sở. Tại chỗ, Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 khai nhận đã mua thu gom lợn bị nhiễm dịch

bệnh về để tổ chức giết mổ bán cho các tiểu thương kinh doanh thịt lợn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổ công tác đã lập biên bản ghi nhận sự việc, tiến hành lấy mẫu xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và tiến hành tạm giữ của Lê Văn T toàn bộ hàng hóa gồm: 45 con lợn chưa giết (55kg/con), thịt lợn nguyên con đã giết mổ là 1.050 kg (23 con), nội tạng lợn là 450 kg và mời những người liên quan về trụ sở để làm việc.

Cùng ngày, Tổ công tác tiến hành kiểm tra 03 quầy hàng bán thực phẩm thịt lợn tại Chợ đầu mối phía nam (Đền L), phường H, quận H (cũ), Hà Nội của Nguyễn Văn Ú (Sinh năm: 1985); Vợ chồng Lê Văn T7 (Sinh năm: 1994) và Nguyễn Thị Kiều T8; Nguyễn Thị T9 (Sinh năm: 1987) và Nguyễn Văn H6 (Sinh năm 1995) cùng có đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã T, Hà Nội. Tại thời điểm kiểm tra Ú, T8 khai nhận đã mua thịt lợn của T1, T9 khai không mua thịt lợn của T1. Úy, T8 và T9 đều không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, giấy kiểm dịch thịt lợn, nghi là lợn bệnh. Tổ công tác đã tiến hành lấy mẫu xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và tiến hành tạm giữ của Nguyễn Thị Kiều T8: 16,5 kg Xương lợn, 16,5 kg Thịt vai, 16,5 kg Thịt bắp, 06 kg Mỡ lợn, 9,5 kg Thịt thân, 4 kg Bì lợn, 35 kg Thịt mông, 31 kg Thịt ba chỉ; Tạm giữ của Nguyễn Văn Ú: 4,4 kg Xương lợn; 17,2 kg Thịt Vai, 17 kg Thịt Mông, 9,8 kg Mỡ lợn, 5,7 kg Thịt ba chỉ; Tạm giữ của Nguyễn Thị T9: 4,5 kg Bì lợn, 22, 3 kg Xương lợn, 65 kg Thịt mông, 20,5 kg Thịt chân giò, 30 kg Thịt nạc vai, 15 kg Thịt nạc phê. Tổ công tác đã thu hồi được 03 kg thịt lợn của anh Nguyễn Đăng T10 mua của Ú, 03 kg thịt của anh Đặng Hữu P mua của T8 về làm thực phẩm cho gia đình.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kiều T8, Nguyễn Văn Ú khai nhận: Tháng 12/2023, Lê Văn T đăng ký kinh doanh hộ gia đình với ngành nghề chế biến, bảo quản thịt lợn, không đăng ký giết mổ nhưng trên thực tế, Tươi mở cơ sở trong khuôn viên đất gia đình T - Thụ đang ở thuộc Thôn Đ, xã K, huyện T, Hà Nội (nay là thôn Đ, xã T, Hà Nội), trực tiếp và thuê Trương Văn H1, Bùi Văn H2, Nguyễn Văn Q thực hiện giết mổ lợn rồi bán cho các tiểu thương trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cơ sở của T không nằm trong mạng lưới giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; Không được chính quyền cho phép giết mổ động vật tạm thời, không đăng ký kiểm dịch động vật, không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm. Do biết việc mua bán lợn “chạm” (lợn ốm yếu do bị nhiễm bệnh, người chăn nuôi thường bán gấp với giá rẻ) để chế biến thực phẩm có lợi nhuận cao nên mặc dù biết số lợn này bị nhiễm dịch bệnh sẽ chết và buộc phải tiêu hủy theo quy định nhưng T và T1 vẫn thu mua lợn nhiễm bệnh để tổ chức giết mổ, bán kiếm lời. Tươi là người chỉ đạo, tổ chức và trực tiếp giết mổ lợn còn T1 có nhiệm vụ nhập hàng, bán

hàng, thu tiền hàng, thuê nhân viên và trả lương hàng tháng cho nhân viên. Từ tháng 02/2024 đến tháng 6/2025, T và T1 đã thu lợi khoảng 220.000.000 đồng từ việc kinh doanh giết mổ lợn bị nhiễm dịch bệnh.

Ngày 29/6/2025, T1 mua tổng số 72 con lợn trong đó mua của Đặng Văn H7 15 con lợn, mua của Tạ Văn Đ1 22 con lợn, mua của Nguyễn Thành T11 15 con lợn, mua của Lê Văn D2 20 con lợn với giá lợn khoảng 30.000 đồng đến 40.000 đồng/01kg hơi trong khi giá thị trường khoảng 55.000 đồng/01kg hơi, chưa thanh toán tiền. Các con lợn này đều là lợn “chạm”, có biểu hiện ốm, yếu, da màu đỏ, tím xanh ở các vùng như tai, đuôi, chân, ngực và bụng, có các nốt xuất huyết dưới da, là dấu hiệu của lợn nhiễm bệnh Dịch tả lợn C. Số lợn này được T1, T nhốt tại chuồng trong lò mổ để rạng sáng ngày 30/6/2025 tổ chức giết mổ. Khoảng 01 giờ sáng ngày 30/6/2025, khi T và nhân viên đang tổ chức giết mổ lợn mà T1 đã mua của H7, Đ1, T11, Dục ngày 29/6/2025 thì Nguyễn Thị Kiều T8 và Nguyễn Văn Ú đến lò mổ của T, T1 để mua lợn. T8 chọn mua 03 con lợn trong chuồng với giá 55.000 đồng/01 kg (trong khi giá thị trường khoảng 70.000 đồng/01 kg) để T cho người giết mổ. Ú chọn mua 01 con lợn có trọng lượng hơn 40kg, với giá 57.000 đồng/01kg để T cho người giết mổ. Sau khi mua được thịt lợn, Nguyễn Thị Kiều T8 cùng chồng là Lê Văn T7 và Nguyễn Văn Ú vận chuyển lợn đến chợ đầu mối phía Nam thuộc phường H, Hà Nội để bán lại cho người tiêu dùng. Trước khi bị Tổ Công tác Công an thành phố H kiểm tra phát hiện, T8 đã bán cho anh Đặng Hữu P (sinh năm 2002, ĐKTT: Xóm F, xã T, Hà Nội) 03 kg thịt lợn với giá 255.000 đồng về làm thực phẩm cho gia đình; Ú đã bán cho anh Nguyễn Đăng T10 (sinh năm 1995, ĐKTT: Xã H, Hà Nội) 03 kg thịt lợn với giá 240.000 đồng để về làm thực phẩm cho gia đình. T8 và Ú biết rõ lợn của T, T1 không có kiểm dịch, không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, nhốt chung với nhiều con lợn có biểu hiện chậm chạp, sức khỏe yếu, có dấu hiệu bị nhiễm bệnh nhưng do giá thành rẻ hơn thị trường nên T8 vẫn mua để bán lại cho người tiêu dùng kiếm lời. Tổ Công tác Công an thành phố H đã tiến hành kiểm tra 03 sạp hàng bán thịt lợn tại chợ Đ2 của T8, Ú và Nguyễn Thị T9 phát hiện, tạm giữ toàn bộ hàng hóa vi phạm nêu trên.

Quá trình điều tra, Đặng Văn H7, Tạ Văn Đ1, Nguyễn Thành T11, Lê Văn D2 khai nhận phù hợp với lời khai của T1, đồng thời khai nhận: Những con lợn mà H7, Đ1, T11, D2 bán cho T1 đều là lợn “chạm”, có biểu hiện ốm, yếu, da màu đỏ, tím xanh ở các vùng như tai, đuôi, chân, ngực và bụng, có các nốt xuất huyết dưới da là dấu hiệu của lợn nhiễm bệnh Dịch tả lợn C. Số lợn này được thu mua của các hộ dân chăn nuôi (không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể) trên địa bàn xã S, xã Y, thành phố Hà Nội và xã Y tỉnh Phú Thọ với giá khoảng 25.000 đồng - 30.000 đồng/01 kg. Sau khi thu mua lợn của các hộ dân, T11, D2, Đ1 trực tiếp vận chuyển đến lò mổ của

T còn H7 thuê anh trai là Đặng Văn S (sinh năm 1985; ĐKTT: Thôn T, phường T, Hà Nội) vận chuyển đến lò mổ của T. H7, Đ1, T11, D2 đều nhận thức được số lợn này bị nhiễm dịch bệnh sẽ chết và buộc phải tiêu hủy nhưng do ham lợi nhuận cao, các bị cáo đã thu mua để bán lại cho T1.

Quyết định trưng cầu giám định số 28672 trưng cầu Sở N giám định đối với hàng hóa phát hiện tạm giữ nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp số 312 ngày 02/7/2025 của Chi cục chăn nuôi, thủy sản và thú y - Sở N kết luận:

"1. Mẫu cần giám định có bị nhiễm bệnh, dịch bệnh hay không? có phải là động vật bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật không?"

Nhận định, đánh giá của Chi cục:

- Theo thực tế giết mổ lợn của cơ sở Lê Văn T và Kết quả xét nghiệm các mẫu giám định (mẫu thịt và phủ tạng lợn) được Công ty cổ phần T13 thực hiện: Có 13/14 mẫu dương tính với virus Dịch tả lợn Châu phi (ASF).

- Căn cứ theo điểm c, khoản 13 Điều 20 Nghị định số 90/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ: Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi giết mổ động vật mắc bệnh, kinh doanh sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục các bệnh cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ N quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Xử lý đối với sản phẩm mang bệnh truyền nhiễm trong quá trình giết mổ (ở cơ sở này là nhiễm bệnh dịch tả lợn Châu phi): Tiêu hủy toàn bộ lợn, thân thịt và phủ tạng lợn mắc bệnh và bị lây nhiễm chéo trong quá trình giết mổ.

2. Về nội dung yêu cầu giám định thứ hai: Mẫu cần giám định có đảm bảo chỉ tiêu về an toàn thực phẩm hay không?"

Đối với trường hợp lợn mắc các bệnh truyền nhiễm (Dịch tả lợn châu phi (ASF), tai xanh (PRRS), lở mồm long móng (FMD)) thì sản phẩm của động vật (Lợn) mắc bệnh không được sử dụng làm thực phẩm. "

Ngày 01/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 34989/YC-CSKT đối với toàn bộ tang vật nêu trên. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 337/KL/HĐĐGTS ngày 02/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố H kết luận:

"1. Hàng hóa tạm giữ tại lò mổ lợn của Lê Văn T tại thôn Đ, xã K, huyện T, Hà Nội (bao gồm lợn sống, lợn nguyên con đã giết mổ, nội tạng lợn) có giá trị: 283.500.000 đồng.

2. Hàng hóa tạm giữ tại quầy hàng của ông Lê Văn T7 ở Chợ đầu mối Đền L, quận H, Hà Nội (bao gồm xương lợn, các loại thịt lợn, mỡ lợn, da lợn) có giá trị: 13.673.500 đồng.

3. Hàng hóa tạm giữ tại quầy hàng của ông Nguyễn Văn Ú ở Chợ đầu mối Đền L, quận H, Hà Nội (bao gồm xương lợn, các loại thịt lợn, mỡ lợn) có giá trị: 5.162.200 đồng.

4. Hàng hóa tạm giữ tại quầy hàng của bà Nguyễn Thị T9 ở Chợ đầu mối Đền L, quận H, Hà Nội (bao gồm xương lợn, các loại thịt lợn, da lợn) có giá trị: 15.320.000 đồng.

5. Hàng hóa tạm giữ được từ khách hàng Nguyễn Đăng T10 (thịt lợn) có giá trị: 240.000 đồng.

6. Hàng hóa tạm giữ được từ khách hàng Đặng Hữu P (thịt nách lợn) có giá trị: 360.000 đồng.

* Tổng giá trị hàng hóa: 318.255.700 đồng. "

Đối với toàn bộ số con lợn, thịt lợn đã tạm giữ của Lê Văn T, Nguyễn Thị Kiều T8, Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Thị T9 và thu hồi của anh Đặng Hữu P, anh Nguyễn Đăng T10, ngày 02/7/2025 Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội đã tiến hành tiêu hủy theo quy định.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS-KV11 ngày 28/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, Thành phố Hà Nội truy tố hai bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 về tội "*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*" theo điểm đ khoản 3 Điều 317 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố Tạ Văn Đ1, Lê Văn D2, Đặng Văn H7, Nguyễn Thành T11 và Nguyễn Thị Kiều T8 về tội Vi phạm an toàn thực phẩm được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 317 bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 192/2025/HSST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hà Nội quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 phạm tội: "*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*" theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 317 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 317, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T.

Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 317, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T1.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 317, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thành T11, Tạ Văn Đ1, Đặng Văn H7, Lê Văn D2 và Nguyễn Thị Kiều T8.

Xử phạt:

1. Bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2025.

2. Bị cáo Nguyễn Thị T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn Đ1 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Tạ Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã S, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Tạ Văn Đ1 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D2 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Văn D2 cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Phú Thọ quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Lê Văn D2 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5- Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H7 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Văn H7 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Đặng Văn H7 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T11 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành T11 cho Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Nguyễn Thành T11 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều T8 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều T8 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Nguyễn Thị Kiều T8 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2025 bị cáo Lê Văn T kháng cáo và ngày 10/01/2026 Nguyễn Thị T1 kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 192/2025/HSST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hà Nội về phần hình phạt. Bị cáo T kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do: Bị cáo tham gia trong vụ án là do phụ thuộc kinh tế vào chồng do không có công ăn việc làm. Hoàn cảnh gia đình vô cùng khó khăn, bố mẹ hai bên già yếu, bệnh tật. Hai vợ chồng bị cáo còn 3 con nhỏ đang độ tuổi ăn học, em chồng bị bệnh tâm thần. Mọi gánh nặng, chi tiêu đều do hai vợ chồng chịu trách nhiệm. Nay tòa án xử phạt tù giam đối với cả hai vợ chồng bị cáo thì gia đình lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn, bố mẹ già, các con thơ và cả em trai bị tâm thần không ai chăm sóc. Bị cáo đã rất ăn năn thấm thía về tội lỗi của mình, xin được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để chăm lo cho gia đình và cam đoan sẽ cải tạo tốt trở thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 có mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nội dung đã trình bày ở trên. Bị cáo T1 xuất trình tài liệu chứng cứ về tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Gia đình có công với cách mạng, ông

bị cáo tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và là thương binh liệt sỹ, bị cáo có nhân thân tốt, ở địa phương bị cáo thường tham gia các phong trào hoạt động do Mặt trận Tổ quốc xã và chi hội phụ nữ xã phát động (Phiếu thu tiền ủng hộ quỹ lũ lụt miền trung Tây nguyên do Mặt trận T và chi hội phụ nữ xã T cấp).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Các bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vị trí vai trò, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, tình tiết mới do bị cáo T1 xuất trình tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T1, sửa bản án sơ thẩm số 192/2025/HSST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hà Nội: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn T.

Kiến nghị cấp sơ thẩm xử phạt hành chính đối với các đối tượng Bùi Văn H2, Trương Văn H1 và Nguyễn Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm về trình tự, thủ tục và thẩm quyền đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Dù biết lợn bị nhiễm dịch bệnh phải tiêu hủy nhưng vì lợi nhuận cao, các đối tượng vẫn mua bán, cụ thể: Ngày 29/6/2025, Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 thu mua tổng số 72 con lợn bị nhiễm vi rút Dịch tả Châu Phi (ASF) trị giá 302.640.000 đồng để tổ chức giết mổ rồi bán lại cho các tiểu thương kiếm lời. Trong đó T1 mua của Đặng Văn H7 15 con lợn trị giá 57.750.000 đồng, mua của Nguyễn Thành T11 15

con lợn trị giá 57.750.000 đồng, mua của Lê Văn D2 20 con lợn trị giá 77.000.000 đồng, mua của Tạ Văn Đ1 22 con lợn trị giá 84.700.000 đồng. Rạng sáng ngày 30/6/2025, tại cơ sở giết mổ của T, T1 tại thôn Đ, xã T, Hà Nội (nay là thôn Đ, xã T, Hà Nội) Nguyễn Thị Kiều T8 đã mua của T Thư 03 con lợn nhiễm bệnh để bán tại chợ đầu mối phía Nam, Đền L, H, Hà Nội kiếm lời (giá trị hành hóa vi phạm là 14.033.500 đồng). Hành vi nêu trên của Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 đã phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 317 Bộ luật hình sự; Hành vi nêu trên của Tạ Văn Đ1, Lê Văn D2, Đặng Văn H7, Nguyễn Trung T12 và Nguyễn Thị Kiều T8 đã phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 317 Bộ luật hình sự. Với hành vi trên, Bản án sơ thẩm đã xử bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*” theo điểm đ khoản 3 Điều 317 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo :

Khi quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Thị T1 là có căn cứ, đúng với quy định pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng, gây mất an toàn trong sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân làm ảnh hưởng đến mục tiêu “4 an” của thành phố Hà Nội, trong đó có an toàn thực phẩm. Bản thân các bị cáo biết lợn bị nhiễm dịch bệnh phải tiêu hủy nhưng vì lợi nhuận cao các bị cáo vẫn mua bán, giết mổ bán thịt lợn, để bán cho người tiêu dùng. Hành vi của các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ vai trò của từng bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, trừng trị đối với loại tội này.

Trong vụ án, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm. Để cá thể hóa hình phạt cần phân hoá vai trò của từng bị cáo để lượng hình tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội. Bị cáo T là chủ lò mổ, là người trực tiếp đi thu mua lợn bệnh về để giết mổ nên có vai trò cao nhất, sau đó đến bị cáo T1, có vai trò giúp sức nên đối với bị cáo T phải chịu hình phạt cao nhất. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T 07 năm tù giam, là phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T.

Đối với bị cáo T1, Hội đồng xét xử xét: Bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, là người phụ thuộc kinh tế nghe theo sự chỉ bảo của chồng cũng là bị cáo trong vụ án. Hiện tại bị cáo đang phải nuôi 3 con nhỏ đều dưới 15 tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công với cách mạng, ông bị cáo là thương binh liệt sỹ, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Bị cáo T1 tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo T1 được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T phải chi án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355 (đối với bị cáo Lê Văn T); điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự (đối với bị cáo Nguyễn Thị T1); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T1. Sửa quyết định bản án hình sự sơ thẩm số 192/2025/HSST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, Thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị T1 phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm”.

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2025.

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 317; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hà Nội giám

sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của .

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- TAND và VKSND khu vực 11, Thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11, TP Hà Nội;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hồng

